



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký Doanh nghiệp số

0200167782

ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Quốc Dũng
Ông Noboru Kobayashi
Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Ngọc Bảo
Ông Nguyễn Việt Phương
Ông Trần Bá Phúc
Ông Nguyễn Quốc Trường
Ông Nguyễn Anh Tuấn
Ông Đào Anh Thắng

Chủ tịch
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên (đến ngày 18/5/2020)
Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Văn Phương
Ông Trần Nhật Ninh
Bà Ngô Thị Thu Thủy
Ông Nguyễn Văn Thức
Ông Trần Ngọc Bảo

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát
(đến ngày 18/5/2020)

Bà Vũ Thị Minh Nhật
Bà Nguyễn Quỳnh Hương

Trưởng Ban
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 2 An Đà
Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2020 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00228-20-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.011.683.401.730	2.341.493.031.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	191.658.815.741	288.767.838.171
Tiền	111		191.658.815.741	188.767.838.171
Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		824.965.107.798	993.286.547.333
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	826.505.446.302	868.483.047.849
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	35.993.837.253	38.425.494.803
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	15.461.572.866	15.461.572.866
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	27.026.380.925	72.227.351.844
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(80.022.129.548)	(1.310.920.029)
Hàng tồn kho	140	14	989.026.931.044	1.035.914.910.671
Hàng tồn kho	141		993.737.662.031	1.040.719.966.817
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.710.730.987)	(4.805.056.146)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.032.547.147	23.523.735.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.587.496.728	9.238.457.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	13.832.127.325
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		445.050.419	453.150.733

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.006.704.256.274	2.012.897.397.342
Tài sản cố định	220		1.391.661.579.868	1.413.363.973.101
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.321.739.037.711	1.342.218.882.380
Nguyên giá	222		2.485.194.812.252	2.438.553.318.396
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.163.455.774.541)	(1.096.334.436.016)
Tài sản cố định vô hình	227	16	69.922.542.157	71.145.090.721
Nguyên giá	228		80.625.862.950	80.625.862.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.703.320.793)	(9.480.772.229)
Tài sản dở dang dài hạn	240		144.724.711.040	127.135.624.483
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	144.724.711.040	127.135.624.483
Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	464.732.188.600	465.272.188.600
Đầu tư vào công ty con	251		131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		95.960.188.600	245.960.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.673.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		150.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		5.585.776.766	7.125.611.158
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.585.776.766	7.125.611.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.018.387.658.004	4.354.390.428.609

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.653.149.525.195	1.962.756.656.459
Nợ ngắn hạn	310		1.560.529.511.321	1.831.965.827.426
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	242.039.584.433	259.782.606.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.150.165.876	1.753.143.746
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	20	27.227.910.534	12.694.063.469
Phải trả người lao động	314		35.404.757.532	69.105.265.354
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	56.422.537.080	109.221.207.569
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	60.725.062.592	12.633.209.861
Vay ngắn hạn	320	23(a)	1.106.264.559.217	1.362.611.134.057
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	30.294.934.057	4.165.196.620
Nợ dài hạn	330		92.620.013.874	130.790.829.033
Vay dài hạn	338	23(b)	92.620.013.874	130.790.829.033
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.365.238.132.809	2.391.633.772.150
Vốn chủ sở hữu	410	25	2.365.238.132.809	2.391.633.772.150
Vốn cổ phần	411	26	981.638.530.000	981.638.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		981.638.530.000	981.638.530.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.138.170.478.493	962.542.250.971
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		245.429.124.316	447.452.991.179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.199.299.220	46.964.299.220
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		198.229.825.096	400.488.691.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.018.387.658.004	4.354.390.428.609

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lưu Thị Mai
 Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
 Kế toán trưởng




Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a- DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	1.940.461.688.106	2.296.935.013.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	8.754.662.096	13.267.367.477
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	30	1.931.707.026.010	2.283.667.646.480
Giá vốn hàng bán	11	31	1.332.367.817.721	1.668.329.805.983
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		599.339.208.289	615.337.840.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	82.197.115.037	107.071.808.856
Chi phí tài chính	22	33	58.322.012.327	67.903.319.390
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.551.232.173	67.837.031.669
Chi phí bán hàng	25	34	250.299.944.167	363.417.861.156
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	142.268.089.185	55.192.524.867
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		230.646.277.647	235.895.943.940
Thu nhập khác	31		1.028.646.898	2.901.829.156
Chi phí khác	32		-	2.420.092.554
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.028.646.898	481.736.602
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		231.674.924.545	236.377.680.542
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	31.445.099.449	27.056.714.562
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		200.229.825.096	209.320.965.980

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	231.674.924.545	236.377.680.542
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	68.456.887.089	69.314.461.102
Các khoản dự phòng	03	79.156.884.360	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(26.739.516)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(81.365.841.616)	(107.333.498.724)
Chi phí lãi vay	06	40.551.232.173	67.837.031.669
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	338.447.347.035	266.195.674.589
Biến động các khoản phải thu	09	44.761.702.802	348.494.907.790
Biến động hàng tồn kho	10	46.982.304.786	257.641.028.399
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(65.991.993.182)	80.334.144.381
Biến động chi phí trả trước	12	5.190.794.698	5.787.190.785
		369.390.156.139	958.452.945.944
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.838.781.501)	(67.840.700.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.222.871.395)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.168.021.000)	(13.867.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	305.160.482.243	876.745.165.217
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.051.371.399)	(133.474.672.742)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	323.832.727
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(33.120.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	131.600.626.651	94.958.849.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	88.549.255.252	(71.311.990.624)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.462.229.416.381	1.702.159.847.304
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.756.746.806.380)	(2.367.821.023.672)
Tiền trả cổ tức	36	(196.327.706.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(490.845.095.999)	(665.661.176.368)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(97.135.358.504)	139.771.998.225
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	288.767.838.171	59.218.671.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.336.074	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	191.658.815.741	198.990.669.325

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Luu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:

Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởngChu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 7 năm 2020.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Hoạt động cho thuê tài chính, đầu tư tài chính;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 18(a).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 1.290 nhân viên (1/1/2020: 1.283 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm trái phiếu và khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 27 đến 44 năm.

(ii) Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Trong kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một số khoản phải thu đã quá hạn đối với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải, công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty, là khó có khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 77.845 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: Không) (Thuyết minh 13).

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	500.180.762	155.726.046
Tiền gửi ngân hàng	191.158.634.979	188.612.112.125
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000
	<hr/> 191.658.815.741	<hr/> 288.767.838.171 <hr/>

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (i)	334.484.207.422	482.843.374.923
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	188.848.180.536	108.037.552.654
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (i)	7.098.490.316	9.251.163.339
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	1.536.860.138	1.192.388.593
Bên khác		
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	138.491.708.910	139.945.588.193
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	68.860.558.156	-
Công ty TNHH Tam Phước	51.388.246.399	97.099.541.010
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	34.374.450.513	23.625.166.959
Các khách hàng khác	1.422.743.912	6.488.272.178
	<hr/> 826.505.446.302	<hr/> 868.483.047.849 <hr/>

- (i) Các khoản phải thu này không có đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 747.794 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Truyền thông và		
Quảng cáo Minh Dương	9.858.711.650	7.056.767.412
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	4.342.362.288	7.500.576.288
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	3.323.560.045	3.939.124.499
Công ty TNHH Công nghệ Hoá Nhựa Bông Sen	2.245.310.635	2.052.634.795
Các nhà cung cấp khác	16.223.892.635	17.876.391.809
	<hr/>	<hr/>
	35.993.837.253	38.425.494.803

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty. Khoản vay này không có bảo đảm, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Miền Trung – công ty con		
các khoản chi hộ	5.755.534.232	-
cổ tức phải thu	-	59.478.674.649
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
– công ty liên kết	499.775.000	-
Bên khác		
Phải thu lãi trái phiếu	7.210.273.973	1.245.410.959
Phải thu cổ tức	2.779.251.600	-
Tạm ứng	2.382.441.408	2.359.180.147
Đặt cọc	2.362.000.000	2.168.000.000
Phải thu khác	6.037.104.712	6.976.086.089
	<hr/>	<hr/>
	27.026.380.925	72.227.351.844

Các khoản phải thu phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và được thành toán khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

Nợ quá hạn

Công ty Cổ phần Xây dựng và
Dịch vụ Thương mại Đại Phát
Công ty TNHH Vĩ Nam
Công ty TNHH Sekisui
Việt Nam – công ty có chung
thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại
Xuất nhập khẩu Minh Hải
– công ty có thành viên
quản lý chủ chốt là cá nhân
liên quan của Công ty
Đối tượng khác

Thời gian quá hạn	30/6/2020			1/1/2020			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-	Trên 3 năm	583.902.600	583.902.600	-
Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-	Trên 3 năm	501.480.953	501.480.953	-
Trên 6 tháng đến dưới 3 năm	1.536.860.138	865.947.292	670.912.846	Trên 6 tháng đến dưới 3 năm	1.192.388.593	-	1.192.388.593
6 tháng đến dưới 1 năm	334.484.207.422	77.845.262.227	256.638.945.195	Chưa quá hạn	482.843.374.923	-	482.843.374.923
Trên 3 năm	225.536.476	225.536.476	-	Trên 3 năm	225.536.476	225.536.476	-
	337.331.987.589	80.022.129.548	257.309.858.041		485.346.683.545	1.310.920.029	484.035.763.516

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

80.022.129.548

1.310.920.029

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	97.304.907.208	-	263.921.687.795	-
Nguyên vật liệu	709.923.415.881	(4.710.730.987)	545.236.220.472	(4.690.886.582)
Công cụ và dụng cụ	5.753.785.145	-	7.174.413.860	(113.570.218)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	43.511.940.034	-	46.994.026.994	-
Thành phẩm	137.243.613.763	-	177.393.617.696	(599.346)
	993.737.662.031	(4.710.730.987)	1.040.719.966.817	(4.805.056.146)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 5.647 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2020: 5.754 triệu VND nguyên vật liệu, 114 triệu VND công cụ dụng cụ và 3 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.258.013.206.644	1.023.171.083.055	139.907.305.806	17.461.722.891	2.438.553.318.396
Tăng trong kỳ	-	31.512.341.129	15.242.152.727	-	46.754.493.856
Xóa sổ	-	-	(113.000.000)	-	(113.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.258.013.206.644	1.054.683.424.184	155.036.458.533	17.461.722.891	2.485.194.812.252
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	390.844.486.420	603.328.966.987	86.491.965.149	15.669.017.460	1.096.334.436.016
Khấu hao trong kỳ	32.557.299.381	28.775.705.466	5.503.107.213	398.226.465	67.234.338.525
Xóa sổ	-	-	(113.000.000)	-	(113.000.000)
Số dư cuối kỳ	423.401.785.801	632.104.672.453	91.882.072.362	16.067.243.925	1.163.455.774.541
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	867.168.720.224	419.842.116.068	53.415.340.657	1.792.705.431	1.342.218.882.380
Số dư cuối kỳ	834.611.420.843	422.578.751.731	63.154.386.171	1.394.478.966	1.321.739.037.711

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có tài sản có nguyên giá 512.483 triệu VND (1/1/2020: 499.711 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.257.190 triệu VND (1/1/2020: 1.287.011 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	78.124.840.727	2.501.022.223	80.625.862.950
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.979.750.006	2.501.022.223	9.480.772.229
Khấu hao trong kỳ	1.222.548.564	-	1.222.548.564
Số dư cuối kỳ	8.202.298.570	2.501.022.223	10.703.320.793
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	71.145.090.721	-	71.145.090.721
Số dư cuối kỳ	69.922.542.157	-	69.922.542.157

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 2.501 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	127.135.624.483	180.331.687.979
Tăng trong kỳ	17.589.086.557	73.777.430.094
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(78.613.159.226)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(45.655.333.781)
Khác	-	(2.272.727.273)
Số dư cuối kỳ	144.724.711.040	127.567.897.793

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	135.693.482.973	118.084.436.416
Dự án số 2 An Đà (*)	9.031.228.067	9.051.188.067
	144.724.711.040	127.135.624.483

- (*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 1 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó, Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2020				1/1/2020			
	Số lượng	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty con								
▪ Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (i)	100,00%	100,00%	100,00%	120.000.000.000	-	(*)	120.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (ii)	100,00%	100,00%	100,00%	11.100.000.000	-	(*)	11.100.000.000	-
				131.100.000.000	-		131.100.000.000	-
Công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (iii)	8.415.000	27,39%	27,39%	84.150.000.000	-	(*)	84.150.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (iv)	499.775	49,98%	49,98%	5.397.000.000	-	(*)	5.397.000.000	-
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (v)		51,00%	51,00%	23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)	23.798.883.000	(23.798.883.000)
				113.345.883.000	(23.798.883.000)		113.345.883.000	(23.798.883.000)
Đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định (vi)	4.632.086	13,50%	13,50%	46.784.068.600	-	(*)	46.784.068.600	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1.800.000	10,66%	10,66%	41.400.000.000	(540.000.000)	(*)	41.400.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong	396.000	17,39%	17,39%	5.148.000.000	-	(*)	5.148.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	56.406	4,80%	4,80%	1.128.120.000	-	(*)	1.128.120.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	150.000	1,11%	1,11%	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	1.500.000.000	(1.335.000.000)
▪ Khác				-	-	-	150.000.000.000	-
				95.960.188.600	(1.875.000.000)		245.960.188.600	(1.335.000.000)
				340.406.071.600	(25.673.883.000)		490.406.071.600	(25.133.883.000)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại số 2 An Đà, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- (vi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020			1/1/2020		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (vii)	15.000	150.000.000.000	(*)	-	-	-

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (vii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là 7,98%.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Miền Trung – công ty con	105.530.802.757	-
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
– công ty liên kết	30.233.320.323	-
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	3.328.127.453	2.038.539.652
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong –		
công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	162.480.735	2.875.109.485
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung		
thành viên quản lý chủ chốt	10.705.389.598	41.946.025.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	27.790.718.624	50.504.665.834
SCG Plastic Co., Ltd.	24.502.420.800	-
Tricon Dry Chemical, LLC	6.647.144.075	-
IVICT (Singapore) Pte Ltd.	-	36.270.354.120
Vimar Overseas., Ltd.	-	28.180.296.880
Các nhà cung cấp khác	33.139.180.068	97.967.615.779
	242.039.584.433	259.782.606.750

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán (1/1/2020: Không).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	194.327.424.464	(192.155.479.093)	2.171.945.371
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	52.654.694.784	(52.654.694.784)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.357.769.624	31.445.099.449	(17.222.871.395)	22.579.997.678
Thuế thu nhập cá nhân	3.999.529.029	5.918.146.956	(7.797.144.676)	2.120.531.309
Tiền thuê đất	-	7.131.279.405	(7.131.279.405)	-
Thuế nhập khẩu	336.764.816	12.394.755.250	(12.376.083.890)	355.436.176
	12.694.063.469	303.871.400.308	(289.337.553.243)	27.227.910.534

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Lãi vay phải trả	2.247.850.187	4.535.399.515
Chiết khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	33.656.117.983	88.926.629.766
Chi phí vận chuyển	3.922.221.181	5.584.689.239
Chi phí thuê đất	7.299.584.563	3.103.128.000
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	7.227.757.090	4.656.929.999
Chi phí phải trả khác	2.069.006.076	2.414.431.050
	56.422.537.080	109.221.207.569

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Miền Trung – công ty con	45.484.795.990	-
Bên khác		
Nhận đặt cọc ngắn hạn	6.467.000.177	7.425.000.177
Kinh phí công đoàn	2.897.293.580	2.003.149.160
Các khoản phải trả khác	5.875.972.845	3.205.060.524
	60.725.062.592	12.633.209.861

Các khoản phải trả bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.242.848.449.948	1.449.236.343.741	(1.691.170.881.351)	1.000.913.912.338
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	119.762.684.109	51.163.887.799	(65.575.925.029)	105.350.646.879
	1.362.611.134.057	1.500.400.231.540	(1.756.746.806.380)	1.106.264.559.217

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 4,1% đến 6,4% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 5,8% đến 6,5%). Tại ngày báo cáo, các khoản vay ngắn hạn có giá trị ghi sổ 780.795 triệu VND được đảm bảo bằng các tài sản như được trình bày tại Thuyết minh 23(b).

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	197.970.660.753	250.553.513.142
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(105.350.646.879)	(119.762.684.109)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	92.620.013.874	130.790.829.033

Vay dài hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, chịu lãi suất năm từ 6,65% đến 9,14% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: từ 6,9% đến 9,1%) và có thời gian đáo hạn từ năm 2022 đến năm 2024.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn còn số dư được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- các khoản phải thu có giá trị ghi sổ là 747.794 triệu VND (1/1/2020: 868.483 triệu VND) (Thuyết minh 9);
- tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 1.257.190 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 1.287.011 triệu VND) (Thuyết minh 15);
- nhà xưởng, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con của Công ty; và
- khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 46.784 triệu VND (Thuyết minh 18(a)).

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	4.165.196.620	19.864.190.551
Trích lập trong kỳ	28.297.758.437	-
Sử dụng trong kỳ	(2.168.021.000)	(13.542.080.000)
Số dư cuối kỳ	30.294.934.057	6.322.110.551

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2019

Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Trích quỹ đầu tư phát triển
 Cổ tức (Thuyết minh 27)
 Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
892.403.020.000	824.402.903.721	364.686.458.470	2.081.492.382.191
-	-	209.320.965.980	209.320.965.980
-	138.139.347.250	(138.139.347.250)	-
-	-	(89.240.302.000)	(89.240.302.000)
-	-	(1.107.000.000)	(1.107.000.000)

Số dư tại ngày 30/6/2019

Số dư tại ngày 1/1/2020

Lợi nhuận thuần trong kỳ
 Trích quỹ đầu tư phát triển
 Cổ tức (Thuyết minh 27)
 Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)
 Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

892.403.020.000	962.542.250.971	345.520.775.200	2.200.466.046.171
981.638.530.000	962.542.250.971	447.452.991.179	2.391.633.772.150
-	-	200.229.825.096	200.229.825.096
-	175.628.227.522	(175.628.227.522)	-
-	-	(196.327.706.000)	(196.327.706.000)
-	-	(28.297.758.437)	(28.297.758.437)
-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)

Số dư tại ngày 30/6/2020

981.638.530.000	1.138.170.478.493	245.429.124.316	2.365.238.132.809
-----------------	-------------------	-----------------	-------------------

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	98.163.853	981.638.530.000	98.163.853	981.638.530.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 18 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 196.327 triệu VND (2.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 20% vốn điều lệ) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019: 89.240 triệu VND, 1.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ).

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	10.638.903.125	10.638.903.125
Từ hai đến năm năm	42.555.612.500	42.555.612.500
Trên năm năm	246.904.039.125	252.223.490.688
	<hr/>	<hr/>
	300.098.554.750	305.418.006.313
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	353.195	8.169.042.992	358.268	8.146.656.052
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	95.241.439.596	63.721.453.123
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	1.935.883.004.006	2.280.418.477.165
▪ Doanh thu khác	4.578.684.100	16.516.536.792
	1.940.461.688.106	2.296.935.013.957
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(8.754.662.096)	(13.267.367.477)
Doanh thu thuần	1.931.707.026.010	2.283.667.646.480

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.328.187.222.135	1.648.501.591.806
▪ Giá vốn khác	4.180.595.586	19.828.214.177
	1.332.367.817.721	1.668.329.805.983

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	6.916.414.316	5.960.639.416
Lãi chênh lệch tỷ giá	831.273.421	17.061.707
Cổ tức và lợi nhuận được chia	74.449.427.300	101.094.107.733
	82.197.115.037	107.071.808.856

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.551.232.173	67.837.031.669
Chiết khấu thanh toán	17.027.681.574	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	203.098.580	66.287.721
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	540.000.000	-
	58.322.012.327	67.903.319.390

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.415.343.409	18.937.980.199
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối và đơn vị bán hàng	152.575.556.378	244.156.323.734
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.088.419.270	6.191.237.637
Chi phí vận chuyển	36.702.190.481	42.433.355.941
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	11.211.524.052	14.477.587.434
Chi phí bán hàng khác	26.306.910.577	37.221.376.211
	250.299.944.167	363.417.861.156

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.236.622.351	22.657.180.610
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.448.587.700	10.151.526.949
Chi phí khác bằng tiền	9.306.880.318	15.322.168.355
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.711.209.519	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.564.789.297	7.061.648.953
	142.268.089.185	55.192.524.867

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.105.834.888.923	1.426.093.919.074
Chiết khấu trả cho trung tâm phân phối và đơn vị bán hàng	152.575.556.378	244.156.323.734
Chi phí nhân công và nhân viên	143.340.926.431	143.993.961.592
Chi phí khấu hao	68.456.887.089	69.314.461.102
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	78.711.209.519	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.790.939.123	119.624.297.505
Chi phí khác	14.499.027.559	4.787.111.295

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	231.674.924.545	236.377.680.542
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	46.334.984.909	47.275.536.108
Thu nhập không bị tính thuế	(14.889.885.460)	(20.218.821.546)
	31.445.099.449	27.056.714.562

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2019
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung</i>		
Bán hàng hóa	571.969.712	139.304.616.444
Mua hàng hóa	106.813.032.807	110.910.620.321
Mua tài sản cố định hữu hình	11.302.344.856	-
Phân phối lợi nhuận	69.330.916.500	58.455.204.465
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam</i>		
Bán hàng hóa	110.851.162.326	65.808.105.377
Mua hàng hóa, dịch vụ	96.386.066.129	64.867.545.173
Phí bản quyền	3.400.000.000	-
Khác	-	210.300.000
<i>Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	9.669.352.637	4.557.991.906
Cổ tức được chia	499.775.000	-
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải</i>		
Bán hàng	95.109.000	372.103.550.021
Hàng bán trả lại	3.807.757.032	1.783.493.929
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong</i>		
Mua hàng hóa	24.609.564.551	14.207.940.795
<i>Công ty TNHH Sekisui Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	1.457.156.872	1.805.803.059
Mua hàng hóa	22.315.163.621	150.660.024.465
Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 18/5/2020)		
Tiền lương, thưởng và thù lao	7.556.963.654	7.142.139.743

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Sau khi kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã công bố phát hành 19.632.330 cổ phiếu, tương đương với 196.323 triệu VND để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐTN-2020 ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định 62/QĐ-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Quản trị.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 lần lượt được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Lưu Thị Mai
Phó Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc